

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: **07/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 06 – 01 - 2025
“Tranh chấp về ly hôn và nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà, thẩm phán: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phù Thọ Bôn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa.

1/ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Anh K, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ C, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa của bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Hoàng Anh K là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002, căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 600 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng thời gian gần đây, vợ chồng lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã từ những chuyện nhỏ nhất, cuộc sống không còn tiếng nói chung. Bà L và ông K cố gắng hàn gắn để cho con có đầy đủ tình thương của cha mẹ nhưng tình hình không thể thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Anh K.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Yến N, sinh ngày 02/4/2005. Hiện nay con đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai và những lời trình bày có trong hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Hoàng Anh K trình bày: Ông K và bà Huỳnh Thị L có tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau đó ông, bà có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn khoảng năm 2002. Trong quá trình chung sống cũng thường xảy ra mâu thuẫn những chuyện nhỏ nhặt thường ngày. Nhưng lúc mâu thuẫn nhiều nhất là đợt dịch Covid 19 do bản thân không có việc làm nên phải thường xuyên nghỉ việc ở nhà thì bị bà L xúc phạm và có những lời lẽ không hay với ông K. Trước đây bà L còn bỏ nhà đi để gặp chồng cũ, bỏ nhà đi một tuần lễ không về để con nhỏ ở nhà. Từ những lý do này, ông K không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Yến N, sinh ngày 02/4/2005. Nay con đã trưởng thành, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Anh K; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên miễn xét. Ngoài ra, đề nghị xem xét đến vấn đề án phí và các vấn đề khác liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng X (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Anh K có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Anh K có nơi cư trú tại: Tổ C, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Hoàng Anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Ngày 31/12/2002 bà L ông K đã được Ủy ban nhân dân thị trấn K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 600. Do đó, hôn nhân của bà L và ông K đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Hoàng Anh K chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002 nên hôn nhân giữa bà L và ông K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã từ những chuyện nhỏ nhặt, cuộc sống không còn tiếng nói chung. Mặt khác qua xác minh tại Công an thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cung cấp thông tin như sau: “Ông K là người không có nghề nghiệp chỉ ở nhà và thường xuyên đánh đập, chửi bới bà L,

làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Công an thị trấn K có mời ông K lên làm việc nhiều lần, nhưng ông K vẫn không thay đổi. Hiện nay ông K đã bị đưa vào trung tâm cai nghiện. Còn bà L đã chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ tổ A, khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.”. Mặt khác, qua ý kiến của ông K cũng thừa nhận về những mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là đúng và mâu thuẫn xảy ra nhiều nhất là đợt dịch Covic 19 do bản thân không có việc làm nên phải thường xuyên nghỉ việc ở nhà thì bị bà L xúc phạm và có những lời lẽ không hay với ông K. Ông và bà L đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay và ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Tại phiên tòa bà L cương quyết ly hôn với ông K, bà L xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và đến nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chứng tỏ hôn nhân của bà L và ông K không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Yến N, sinh ngày 02/4/2005. Do hiện nay cháu N đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các bên xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, do bà Huỳnh Thị L yêu cầu ly hôn nên phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Anh K.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Yên N, sinh ngày 02/4/2005. Cháu N đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

2. Về án phí: Áp dụng các Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị L phải nộp áp phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009262 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/01/2025). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Mai